CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN - HÀ NỘI

Số: 06 /2020/BC-SHS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: **Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 12/2019 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA			AAA
2	ABT			ABT
3	ACC			ACC
4	ADS			ADS
5	AMD			AMD
6	ANV			ANV
7	APC			APC
8	APG			APG
9	ASM			ASM
10	ASP			ASP
11	AST			AST
12	BBC			BBC
13	BCE			BCE
14	BCG			BCG
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BMC			BMC
19	BMI			BMI
20	BMP			BMP
21	BRC			BRC
22	BSI			BSI
23	BTP			BTP
24	BTT			BTT
25	BVH			BVH
26	BWE			BWE
27	C32			C32
28	C47			C47
29	CAV			CAV

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
30	CDC			CDC
31	CHP			CHP
32	CII			CII
33	CLC			CLC
34	CLL			CLL
35	CMG			CMG
36	CNG			CNG
37	COM			COM
38	CRC			CRC
39	CSM			CSM
40	CSV			CSV
41	CTD			CTD
42	CTG			CTG
43	CTI			CTI
44	CTS			CTS
45	CVT			CVT
46	DAG			DAG
47	D2D			D2D
48	DAH			DAH
49	DBC			DBC
50	DBD			DBD
51	DCM			DCM
52	DGW			DGW
53	DHA			DHA
54	DHC			DHC
55	DHG			DHG
56	DHM			DHM
57	DIG			DIG
58	DLG			DLG
59	DMC			DMC
60	DPG			DPG
61	DPM			DPM
62	DPR			DPR
63	DRC			DRC
64	DRH			DRH
65	DRL			DRL
66	DSN			DSN
67	DTA			DTA
68	DVP			DVP
69	DXG			DXG
70	EIB			EIB
71	ELC			ELC
72	EVE			EVE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
73	EVG			EVG
74	FCN			FCN
75	FIR			FIR
76	FIT			FIT
77	FLC			FLC
78	FMC			FMC
79	FPT			FPT
80	FRT			FRT
81	FTS			FTS
82	GAS			GAS
83	GDT			GDT
84	GEX			GEX
85	GMC			GMC
86	GMD			GMD
87	GSP			GSP
88	GTN			GTN
89	HAH			HAH
90	HAP			HAP
91	HAR			HAR
92	HAX			HAX
93	HBC			HBC
94	HCD			HCD
95	HCM			HCM
96	HDB			HDB
97	HDC			HDC
98	HDG			HDG
99	HHS			HHS
100	HII			HII
101	HPG			HPG
102	HPX			HPX
103	HQC			HQC
104	HSG			HSG
105	HSL			HSL
106	HT1			HT1
107	HTI			HTI
108	HTL			HTL
109	HTV			HTV
110	HU3			HU3
111	HVH			HVH
112	IBC			IBC
113	IDI			IDI
114	IJC			IJC
115	IMP			IMP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
116	ITA			ITA
117	ITC			ITC
118	ITD			ITD
119	KBC			KBC
120	KDC			KDC
121	KDH			KDH
122	KMR			KMR
123	KSB			KSB
124	L10			L10
125	LBM			LBM
126	LCG			LCG
127	LDG			LDG
128	LGC			LGC
129	LGL			LGL
130	LHG			LHG
131	LIX			LIX
132	LM8			LM8
133	LMH			LMH
134	LSS			LSS
135	MBB			MBB
136	MDG			MDG
137	MHC			MHC
138	MSH			MSH
139	MSN			MSN
140	MWG			MWG
141	NAF			NAF
142	NBB			NBB
143	NCT			NCT
144	NKG			NKG
145	NLG			NLG
146	NNC			NNC
147	NSC			NSC
148	NT2			NT2
149	NTL			NTL
150	NVL			NVL
151	OPC			OPC
152	PAC			PAC
153	PAN			PAN
154	PC1			PC1
155	PDN			PDN
156	PDR			PDR
157	PET			PET
158	PGC			PGC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
159	PGD			PGD
160	PGI			PGI
161	PHC			PHC
162	PHR			PHR
163	PJT			PJT
164	PLP			PLP
165	PLX			PLX
166	PME			PME
167	PNJ			PNJ
168	POW			POW
169	PPC			PPC
170	PTB			PTB
171	PVD			PVD
172	PVT			PVT
173	RAL			RAL
174	RDP			RDP
175	REE			REE
176	ROS			ROS
177	S4A			S4A
178	SAB			SAB
179	SAM			SAM
180	SBA			SBA
181	SBT			SBT
182	SBV			SBV
183	SC5			SC5
184	SCD			SCD
185	SCR			SCR
186	SCS			SCS
187	SFC			SFC
188	SFG			SFG
189	SFI			SFI
190	SHA			SHA
191	SHI			SHI
192	SHP			SHP
193	SII			SII
194	SJD			SJD
195	SJF			SJF
196	SJS			SJS
197	SKG			SKG
198	SMB			SMB
199	SMC			SMC
200	SPM			SPM
201	SRC			SRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
202	SRF			SRF
203	SSC			SSC
204	SSI			SSI
205	ST8			ST8
206	STB			STB
207	STG			STG
208	STK			STK
209	SVC			SVC
210	SVI			SVI
211	SZL			SZL
212	TAC			TAC
213	TBC			TBC
214	TCB			TCB
215	TCD			TCD
216	TCH			TCH
217	TCL			TCL
218	TCM			TCM
219	TCO			TCO
220	TCT			TCT
221	TDC			TDC
222	TDG			TDG
223	TDH			TDH
224	TDM			TDM
225	TDW			TDW
226	TEG			TEG
227	THG			THG
228	THI			THI
229	TIP			TIP
230	TLD			TLD
231	TLH			TLH
232	TMP			TMP
233	TMS			TMS
234	TNA			TNA
235	TNC			TNC
236	TNI			TNI
237	TPB			TPB
238	TPC			TPC
239	TRC			TRC
240	TSC			TSC
241	TTB			TTB
242	TV2			TV2
243	TVS			TVS
244	TVT			TVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
245	TYA			TYA
246	UIC			UIC
247	VAF			VAF
248	VCB			VCB
249	VCI			VCI
250	VDP			VDP
251	VDS			VDS
252	VFG			VFG
253	VGC			VGC
254	VHC			VHC
255	VHM			VHM
256	VIC			VIC
257	VJC			VJC
258	VMD			VMD
259	VND			VND
260	VNE			VNE
261	VNM			VNM
262	VNS			VNS
263	VPB			VPB
264	VPH			VPH
265	VPI			VPI
266	VPS			VPS
267	VRC			VRC
268	VRE			VRE
269	VSC			VSC
270	VSH			VSH
271	VSI			VSI
272	VTO			VTO
273	YBM			YBM

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 12/2019 là https://www.shs.com.vn/News/20191227/1010289/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-12-2019.aspx.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Người lập	Kiểm soát	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thu Hằng	Ngô Thế Hiển	Vũ Đức Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN HÀ NỘI